1. Học phần:NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

(PRINCIPLES OF MARXISM – LENINISM 2)

1. Mã học phần: SMT1002
2. Ngành: Kế toán
3. Chuyên ngành: Kế toán
4. Khối lượng học tập: 3 tín chỉ.
5. Trình độ: Đại học.
6. Học phần điều kiện học trước: SMT1001 – Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1
7. Mục đích học phần

Học phần được kết cấu thành 2 phần chính:

* + Một là, Học thuyết của chủ nghĩa Mác Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần này nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền.
  + Hai là, Lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin về chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của phương thức cộng sản chủ nghĩa

1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR của học phần | Tên chuẩn đầu ra | Cấp độ theo Bloom |
| 1 | CLO1 | **Phân tích** đặc điểm, bản chất và các quy luật vận động của nền sản xuất hàng hóa | 4 |
| 2 | CLO2 | **Phân tích** đặc điểm, bản chất của sản xuất hàng hóa TBCN, các quy luật vận động của sản xuất TBCN trong CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước; các biểu hiện mới của CNTB ngày nay. | 4 |
| 3 | CLO3 | **Chỉ ra** tính quy luật khách quan ra đời, đặc điểm,nội dung cơ bản và xu hướng khách quan đi lên CNXH trong sự vận động của lịch sử xã hội loài người | 3 |

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình (PLO)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần/ CĐR chương trình | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 |
| CLO1 | X |  |  |  | X | X |  |  | X | X | X |  |
| CLO2 | X |  |  |  | X | X |  | X |  | X | X |  |
| CLO3 | X |  |  |  | X | X |  | X |  | X | X | X |
| Tổng hợp theo HP | X |  |  |  | X | X |  | X |  | X | X | X |

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nắm vững các nội dung lý thuyết

- Nghiên cứu bài giảng và đọc các sách và tài liệu tham khảo, chuẩn bị thảo luận và tham gia trao đổi tại lớp, hoàn thành các bài tập được giao.

1. Tài liệu học tập
   1. ***Giáo trình***

*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin*  dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Bộ Giáo dục và đào tạo, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 2010 (và được tái bản trong những năm sau)

***11.2 Tài liệu tham khảo:***

TK1. *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia)

TK2. Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng.

1. Thang điểm: Theo thang điểm tín chỉ.
2. Nội dung chi tiết học phần

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 1** |
|  |  | **HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ** |
|  |  |  |
| 1.1. |  | Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hang hóa |
|  | 1.1.1 | Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa |
|  | 1.1.2 | Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa |
| 1.2. |  | Hàng hóa |
|  | 1.2.1 | Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa |
|  | 1.2.2 | Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa |
|  | 1.2.3 | Lượng giá trị của hang hóa, Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa |
| 1.3 |  | Tiền tệ |
|  | 1.3.1 | Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ |
|  | 1.3.2 | Chức năng của tiền tệ |
| 1.4 |  | Quy luật giá trị |
|  | 1.4.1 | Nội dung của quy luật giá trị |
|  | 1.4.2 | Tác động của quy luật giá trị |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 4, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 2** |
|  |  | **HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ** |
|  |  |  |
| 2.1. |  | Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản |
|  | 2.1.1 | Công thức chung của tư bản |
|  | 2.1.2 | Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản. |
|  | 2.1.3 | Hàng hóa sức lao động |
| 2.2. |  | Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản |
|  | 2.2.1 | Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư |
|  | 2.2.2 | Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến |
|  | 2.2.3 | Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư |
|  | 2.2.4 | Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch |
|  | 2.2.5 | Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB |
| 2.3 |  | Tiền công trong chủ nghĩa tư bản |
|  | 2.3.1 | Bản chất kinh tế của tiền công |
|  | 2.3.2 | Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản |
|  | 2.3.3 | Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế |
| 2.4 |  | Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - Tích lũy tư bản |
|  | 2.4.1 | Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản |
|  | 2.4.2 | Tích tụ và tập trung tư bản |
|  | 2.4.3 | Cấu tạo hữu cơ của tư bản |
| 2.5 |  | Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư |
|  | 2.5.1 | Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản |
|  | 2.5.2 | Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội |
|  | 2.5.3 | Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản |
| 2.6 |  | Các hình thái tư bản và các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư |
|  | 2.6.1 | Chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận |
|  | 2.6.2 | Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất |
|  | 2.6.3 | Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 5, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |
|  |  | **CHƯƠNG 3** |
|  |  | **HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN**  **VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC** |
|  |  |  |
| 3.1. |  | Chủ nghĩa tư bản độc quyền |
|  | 3.1.1 | Nguyên nhân chuyển biến của CNTB từ cạnh tranh tự do sang độc quyền |
|  | 3.1.2 | Những đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền |
|  | 3.1.3 | Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn CNTB độc quyền |
| 3.2. |  | Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước |
|  | 3.2.1 | Nguyên nhân hình thành và bản chất của CNTB độc quyền nhà nước |
|  | 3.2.2 | Những biểu hiện chủ yếu của CNTB độc quyền nhà nước |
| 3.3. |  | Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại |
|  | 3.3.1 | Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất |
|  | 3.3.2 | Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức |
|  | 3.3.3 | Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp |
|  | 3.3.4 | Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn |
|  | 3.3.5 | Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường |
|  | 3.3.6 | Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế TBCN, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế |
|  | 3.3.7 | Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường |
| 3.4. |  | Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB ngày nay |
|  | 3.4.1 | Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội |
|  | 3.4.2 | Hạn chế của chủ nghĩa tư bản |
|  | 3.4.3 | Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 6, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **CHƯƠNG 4** |
|  |  | **SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**  **VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** |
|  |  |  |
| 4.1. |  | Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân |
|  | 4.1.1 | Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân |
|  | 4.1.2 | Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân |
|  | 4.1.3 | Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân |
| 4.2. |  | Cách mạng xã hội chủ nghĩa |
|  | 4.2.1 | Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó |
|  | 4.2.2 | Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa |
|  | 4.2.3 | Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa |
| 4.3. |  | Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa |
|  | 4.3.1 | Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa |
|  | 4.3.2 | Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 7, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |
|  |  | **CHƯƠNG 5** |
|  |  | **NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT**  **TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** |
|  |  |  |
| 5.1. |  | Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN |
|  | 5.1.1 | Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa |
|  | 5.1.2 | Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa |
| 5.2. |  | Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa |
|  | 5.2.1 | Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa |
|  | 5.2.2 | Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa |
|  | 5.2.3 | Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN |
| 5.3. |  | Giải quyết vấn đè dân tộc và tôn giáo |
|  | 5.3.1 | Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin trong giải quyết vấn đề dân tộc |
|  | 5.3.2 | Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 8, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |
|  |  | **CHƯƠNG 6** |
|  |  | **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG** |
|  |  |  |
| 6.1. |  | Chủ nghĩa xã hội hiện thực |
|  | 6.1.1 | Cách mạng tháng 10 Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới |
|  | 6.1.2 | Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó |
| 6.2. |  | Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó |
|  | 6.2.1 | Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết |
|  | 6.2.2 | Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết |
|  | 3.2.3 | Tên nội dung chi tiết 3 của mục 3.2 |
|  | 3.2.4 | Tên nội dung chi tiết 4 của mục 3.2 |
| 6.3. |  | Triển vọng của chủ nghĩa xã hội |
|  | 6.3.1 | Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người |
|  | 6.3.2 | Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người. |
|  |  | Tài liệu học tập |
|  | TL1. | Đọc chương 9, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (Nxb Chính trị Quốc gia) |
|  | TL2. | Văn kiện Đại hội và Hội nghị trung ương của Đảng có liên quan đến bài giảng. |

1. **Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra (CLO) và nội dung (chương) học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương thứ | Tên chương | CLO1 | CLO2 | CLO3 |
| 1 | Học thuyết giá trị | X |  |  |
| 2 | Học thuyết giá trị thặng dư |  | X |  |
| 3 | Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước |  | X |  |
| 4 | Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN |  |  | X |
| 5 | Những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật của tiến trình cách mạng XHCN |  |  | X |
| 6 | CNXH hiện thực và triển vọng |  |  | X |

1. Phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ cho 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 15 tiết)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương thứ | Tên chương | Số tiết tín chỉ | | | Phương pháp giảng dạy |
| Lý  thuyết | Thực hành/ thảo luận(\*) | Tổng số |
| 1 | Học thuyết giá trị | 8 | 1 | 9 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10. |
| 2 | Học thuyết giá trị thặng dư | 17 | 1 | 18 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10,TLM16. |
| 3 | Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước | 3 | 1 | 4 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10 |
| 4 | Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN | 5 | 1 | 6 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10,TTLM13 |
| 5 | Những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật của tiến trình cách mạng XHCN | 4 | 1 | 5 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10,TTLM13 |
| 6 | CNXH hiện thực và triển vọng | 2 | 1 | 3 | TML1,TLM2,TLM4,TLM10,TTLM13 |
|  | Tổng | 39 | 6 | 45 |  |

*Ghi chú: Số giờ thực hành/ thảo luận trên thực tế sẽ bằng số tiết thực hành/ thảo luận trên thiết kế x 2.*

1. **Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp giảng dạy, học tập (TLS)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Mã** | **Tên phương pháp giảng dạy, học tập (TLS)** | | **Nhóm phương pháp** | CLO1 | CLO2 | CLO3 |
| 1 | **TLM1** | Giải thích cụ thể | Explicit Teaching | 1 | X | X | X |
| 2 | **TLM2** | Thuyết giảng | Lecture | 1 | X | X | X |
| 3 | **TLM3** | Tham luận | Guest lecture | 1 |  |  |  |
| 4 | **TLM4** | Giải quyết vấn đề | Problem Solving | 2 | X | X | X |
| 5 | **TLM5** | Tập kích não | Brainstorming | 2 |  |  |  |
| 6 | **TLM6** | Học theo tình huống | Case Study | 2 |  |  |  |
| 7 | **TLM7** | Đóng vai | Role play | 2 |  |  |  |
| 8 | **TLM8** | Trò chơi | Game | 2 |  |  |  |
| 9 | **TLM9** | Thực tập, thực tế | Field Trip | 2 |  |  |  |
| 10 | **TLM10** | Tranh luận | Debates | 3 | X | X | X |
| 11 | **TLM11** | Thảo luận | Discussion | 3 |  |  |  |
| 12 | **TLM12** | Học nhóm | Teamwork Learning | 3 |  |  |  |
| 13 | **TLM13** | Câu hỏi gợi mở | Inquiry | 4 |  |  | X |
| 14 | **TLM14** | Dự án nghiên cứu | Research Project | 4 |  |  |  |
| 15 | **TLM15** | Học trực tuyến | TBA | 5 |  |  |  |
| 16 | **TLM16** | Bài tập ở nhà | Work Assigment | 6 |  | X |  |
| 17 | **TLM17** | Khác |  | 7 |  |  |  |

1. **Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp đánh giá (AM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Mã** | **Tên phương pháp đánh giá** | | **Nhóm phương pháp** | CLO1 | CLO2 | CLO3 |
| **1** | **AM1** | Đánh giá chuyên cần | Attendence Check | 1 | X | X | X |
| **2** | **AM2** | Đánh giá bài tập | Work Assigment | 1 |  | X |  |
| **3** | **AM3** | Đánh giá thuyết trình | Oral Presentaion | 1 |  |  |  |
| **4** | **AM4** | Đánh giá hoạt động | Performance test | 2 |  |  |  |
| **5** | **AM5** | Nhật ký thực tập | Journal and blogs | 2 |  |  |  |
| **6** | **AM6** | Kiểm tra tự luận | Essay | 2 | X | X | X |
| **7** | **AM7** | Kiểm tra trắc nghiệm | Multiple choice exam | 2 |  |  |  |
| **8** | **AM8** | Bảo vệ và thi vấn đáp | Oral Exam | 2 |  |  |  |
| **9** | **AM9** | Báo cáo | Written Report | 2 |  |  |  |
| **10** | **AM10** | Đánh giá thuyết trình | Oral Presentaion | 3 |  |  |  |
| **11** | **AM11** | Đánh giá làm việc nhóm | Teamwork Assessment | 3 |  |  |  |
| **12** | **AM12** | Báo cáo khóa luận | Graduation Thesis/ Report | 3 |  |  |  |
| 13 | **AM13** | Khác |  | 4 |  |  |  |

1. **Kế hoạch kiểm tra, đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Tuần** | **Nội dung** | **Phương pháp đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** | CLO1 | CLO2 | CLO3 |
| 1 | 1,2,3 | Chương 1 | AM1, AM6 | 10% | X |  |  |
| 2 | 4,5,6,7,8,9,10 | Chương 2, 3 | AM1, AM6 | 20% |  | X |  |
| 3 | 11,12,13,14,15 | Chương 4, 5, 6 | AM1, AM6 | 10% |  |  | X |
| 4 | Theo lịch | Toàn bộ | AM6 | 60% |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | 100% |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Xác nhận của Khoa/Bộ môn** |